

DANH SÁCH

Công nhận báo cáo viên pháp luật thành phố
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
1	Phạm Thị Bích Thủy		1979	Giám đốc	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Cử nhân Luật; Cao đẳng Kiểm sát	Công tác tư pháp
2	Nguyễn Trọng Trí	1973		Phó Giám đốc	Sở Tư pháp	Tiến sĩ Quản lý công; Cử nhân Luật	Công tác tư pháp
3	Lý Hậu Hồng Lê		1979	Phó Giám đốc	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật	Công tác tư pháp
4	Lê Xuân Quý	1985		Chánh Văn phòng	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh; Cử nhân Luật; Cử nhân Hành chính; Cử nhân Chính trị	Công tác tư pháp

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
5	Hồ Quốc Lâm	1979		Trưởng phòng Phòng Hành chính tư pháp	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Công tác tư pháp
6	Ngô Quốc Huy	1972		Trưởng phòng Kiểm tra và Thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật; Cử nhân hành chính	Công tác tư pháp
7	Đỗ Thị Anh Đào		1984	Trưởng phòng Xây dựng và Phổ biến pháp luật	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Công tác tư pháp
8	Nguyễn Thị Huệ		1980	Trưởng phòng Phòng Hỗ trợ tư pháp	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Công tác tư pháp
9	Bùi Thị Thanh Thủy		1983	Phó Chánh Văn phòng	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật	Công tác tư pháp
10	Từ Đình Khôi	1980		Phó Trưởng phòng Phòng Xây dựng và Phổ biến pháp luật	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật	Công tác tư pháp
11	Nguyễn Thị Hồng Phước		1985	Phó Trưởng phòng Phòng Hành chính tư pháp	Sở Tư pháp	Cử nhân Xây dựng Đảng và chính quyền; Cử nhân Luật; Thạc sĩ Luật	Công tác tư pháp
12	Nguyễn Thị Hải		1988	Phó trưởng phòng Phòng Kiểm tra và Thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật; Cử nhân Hành chính	Công tác tư pháp

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
13	Hà Thị Nguyệt		1986	Phó trưởng phòng Phòng Hỗ trợ tư pháp	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Công tác tư pháp
14	Lê Minh Tuấn	1974		Phó Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật	Dân sự-Hình sự-Hành chính
15	Phan Thị Vân		1984	Phó Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật	Dân sự đất đai-Hình sự Hành chính
16	Bùi Thị Huân		1983	Phó Trưởng phòng Phòng Hành chính – Tổng hợp, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Hình sự, hôn nhân gia đình, Tư pháp người chưa thành niên
17	Hoàng Minh Thu		1985	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng nghiệp vụ- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Hình sự-Dân sự-Hôn nhân và Gia đình
18	Nguyễn Ngọc Huyền		1985	Phó Trưởng phòng Phòng nghiệp vụ - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Hình sự- Dân sự-Hôn nhân và Gia đình
19	Nguyễn Thị Hoài Thương		1973	Trưởng chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Hình sự- Hôn nhân và Gia đình

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
20	Hồ Thị Xuân Chi		1970	Trưởng chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Hôn nhân và Gia đình
21	Phan Thị Thơm		1989	Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Hôn nhân và Gia đình
22	Nguyễn Chiến Thắng	1982		Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Luật	Hôn nhân và Gia đình
23	Nguyễn Doãn Nhưong	1970		Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Dân sự
24	Hoàng Thị Liên		1975	Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Dân sự- Hôn nhân và gia đình
25	Bùi Thị Mai		1978	Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Hành chính- Hôn nhân và Gia đình
26	Vũ Thị Hải Anh		1976	Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2	Sở Tư pháp	Cử nhân luật	Văn bản liên quan quan đến lĩnh vực trợ giúp pháp lý

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
27	Đặng Thái Hoàng	1978		Phó Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2	Sở Tư pháp	Cử nhân luật	Văn bản liên quan quan đến lĩnh vực trợ giúp pháp lý
28	Nguyễn Thị Thảo Như		1999	Chuyên viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Hành chính
29	Đặng Huy Hoàng	1997		Chuyên viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Dân sự, đất đai và hình sự
30	Hoàng Thị Hà		1975	Trưởng phòng hành chính – tổng hợp, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2	Sở Tư pháp	Cử nhân luật	Văn bản liên quan quan đến lĩnh vực trợ giúp pháp lý
31	Trần Thị Loan		1985	Trưởng phòng Nghiệp vụ, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2	Sở Tư pháp	Cử nhân luật	Văn bản liên quan quan đến lĩnh vực trợ giúp pháp lý
32	Trương Thị Bích Huệ		1985	Phó Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 2	Sở Tư pháp	Cử nhân luật	Văn bản liên quan quan đến lĩnh vực trợ giúp pháp lý

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
33	Lê Thị Thái		1977	TUV, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy	Thạc sĩ Luật	Công tác Tuyên giáo và Dân vận của Đảng
34	Nguyễn Thị Loan		1981	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy	Thạc sĩ Quản lý và kinh doanh	Công tác Tuyên giáo và Dân vận của Đảng
35	Phan Duy Khiêm	1982		Trưởng phòng Thông tin - Tổng hợp	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy	Thạc sĩ Chính trị học	Công tác Tuyên giáo và Dân vận của Đảng. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Tình hình trong thành phố, trong nước, quốc tế
36	Lê Thanh Tiến	1981		Trưởng phòng Dân vận các cơ quan nhà nước, dân tộc, tôn giáo	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy	Thạc sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Công tác Tuyên giáo và Dân vận của Đảng

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
37	Lê Thị Tuyết		1982	Trưởng phòng Phòng Tuyên truyền, Báo chí - Xuất bản	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy	Thạc sĩ Quản lý văn hóa	Công tác Tuyên giáo và Dân vận của Đảng. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng
38	Nguyễn Tấn Phú	1970		Phó Chủ tịch	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Luật	Liên quan đến công tác an ninh, công tác xã hội, tôn giáo, dân tộc
39	Lưu Thị Hà		1972	Phó Chủ tịch	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Luật kinh tế; Thạc sĩ kinh tế	Liên quan đến công tác dân chủ và pháp luật
40	Đặng Thị Xuân Thắm		1982	Phó Trưởng ban Ban Tổ chức, Kiểm tra	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Kế toán	Liên quan đến công tác cán bộ, tổ chức bộ máy, Luật Lao động, Luật Công chức, viên chức

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
41	Vũ Minh Dũng	1984		Phó Chánh Văn phòng	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Luật; Cử nhân cao đẳng quản lý văn hóa	Liên quan đến công tác tài chính, hành chính, quản trị
42	Vũ Thị Mùi		1979	Phó Trưởng ban Ban Dân chủ, Giám sát và Phản biện xã hội	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân: Luật; Lịch sử Đảng	Liên quan đến công tác dân chủ và pháp luật
43	Nguyễn Ngọc Thành	1983		Phó Trưởng ban Ban Dân chủ, Giám sát và Phản biện xã hội	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân khoa học Luật	Liên quan đến công tác thi hành án dân sự; dân chủ và pháp luật
44	Phạm Thành Vinh	1986		Phó Trưởng ban Công tác xã hội, Hội quần chúng	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Lịch sử Đảng	Liên quan đến công tác xã hội, Hội quần chúng
45	Đào Bình Trọng	1981		Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo và Tôn giáo, Dân tộc.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Chính trị học	Công tác tôn giáo và dân tộc
46	Lê Thị Vân Anh		1981	Phó Trưởng ban Ban Dân chủ, Giám sát và Phản biện xã hội	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Thạc sĩ Luật	Công tác dân chủ và pháp luật

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
47	Nguyễn Minh Kiên	1987		UV BCH TW Đoàn, Thành ủy viên, Phó Chủ tịch UBMTTQVN thành phố, Bí thư Thành đoàn	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Thạc sĩ Quản lý công	Thanh niên
48	Nguyễn Trần Phương Hà		1991	Phó Bí thư Thành đoàn	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Luật Tài chính Ngân hàng Chứng khoán	Thanh niên
49	Phan Thế Công	1992		Phó Bí thư Thành đoàn	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Thạc sĩ Luật Kinh tế, Cử nhân Kỹ sư Công nghệ Môi trường, Ngôn ngữ Anh	Thanh niên
50	Đặng Thị Mỹ Lành		1993	UVBTV Thành đoàn, Phó Ban Công tác đoàn và thanh thiếu nhi	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Luật	Thanh niên
51	Phạm Thị Thu Thảo		1994	UVBCH Thành đoàn, Phó Ban Công tác đoàn và thanh thiếu nhi	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Triết học	Thanh niên
52	Thạch Thị Thùy Dương		1991	UVBTV Thành đoàn, Phó Ban Công tác đoàn và Thanh thiếu nhi	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Tâm lý giáo dục, Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Thanh niên

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
53	Nguyễn Thái Bảo	1994		UVBTV Thành đoàn, Phó Ban Công tác đoàn và Thanh thiếu nhi	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Thạc sĩ Kỹ thuật môi trường	Thanh niên
54	Lê Nguyễn Minh Trí	1996		UVBCH Thành đoàn, Phó Ban Công tác đoàn và thanh thiếu nhi	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Thạc sĩ Luật Kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật, Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Kỹ sư Quản lý đất đai	Thanh niên
55	Mai Anh Thoa		1996	UVBCH Thành đoàn, Phó Ban Công tác đoàn và thanh thiếu nhi	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Khoa học Môi trường	Thanh niên
56	Nguyễn Văn Giang	1983		Phó Chủ tịch – Trưởng Ban Công tác nông dân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Phát triển nông thôn và khuyến nông	Nông dân, nông nghiệp, nông thôn và công tác Hội Nông dân
57	Nguyễn Thị Hiếu		1985	UVBCH - Phó Trưởng Ban Công tác nông dân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Thạc sĩ Quản lý Kinh tế; Cử nhân Giáo dục chính trị; Cử nhân Quản lý văn hóa tư tưởng	Nông dân, nông nghiệp, nông thôn và công tác Hội Nông dân

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
58	Nguyễn Thị Thu Dinh		1985	UVBCH - Phó Trưởng Ban Công tác nông dân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Thạc sĩ Quản lý Kinh tế; Cử nhân Giáo dục chính trị; Cử nhân Công tác kiểm tra	Nông dân, nông nghiệp, nông thôn và công tác Hội Nông dân
59	Phạm Thị Ngọc Minh		1983	Phó Trưởng Ban Công tác nông dân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Thạc sĩ quản lý kinh tế	Nông dân, nông nghiệp, nông thôn và công tác Hội Nông dân
60	Nguyễn Bảo Thái		1975	UVBTV Hội Nông dân thành phố, Phó Trưởng Ban Công tác Nông dân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Cử nhân Kế Toán	Các chính sách pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân
61	Lê Thị Thu Hương		1976	UVBTV Hội Nông dân thành phố, Phó Trưởng Ban Công tác Nông dân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Kỹ sư Nông học	Các chính sách pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
62	Trần Thị Dung		1992	UVBCH Hội Nông dân thành phố, Chuyên viên Ban Công tác Nông dân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Các chính sách pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân
63	Nguyễn Ngọc Linh	1990		UVBCH Hội Nông dân thành phố, Chuyên viên Ban Công tác Nông dân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Kỹ sư Trồng trọt	Các chính sách pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân
64	Đặng Xuân Nhạn		1984	Chuyên viên Ban Công tác Nông dân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Bác sĩ thú y, Cử nhân Luật	Các chính sách pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
65	Nguyễn Thị Biên Thùy		1985	Chuyên viên Ban Công tác Nông dân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Kỹ sư nông học	Các chính sách pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân
66	Nguyễn Hữu Gia Văn	1985		Chuyên viên Ban Công tác nông dân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Thạc sĩ Quản lý Kinh tế; cử nhân kinh tế (ngành Phát triển Nông thôn và Khuyến nông); Cử nhân Tài chính - tín dụng	Nông dân, nông nghiệp, nông thôn và công tác Hội Nông dân
67	Nguyễn Trung Tuấn	1990		Chuyên viên Ban Công tác nông dân	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Kỹ sư cấp thoát nước- Môi trường nước; Cử nhân Luật	Nông dân, nông nghiệp, nông thôn và công tác Hội Nông dân

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
68	Lê Thị Thanh Loan		1982	Thành ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố, Chủ tịch Hội LHPN thành phố	Hội liên hiệp phụ nữ thành phố	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới
69	Bùi Thị Hạnh		1978	Phó Chủ tịch Hội LHPN thành phố	Hội liên hiệp phụ nữ thành phố	Thạc sĩ Chính sách công	Phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới
70	Nguyễn Hà Quế Phương		1984	Ủy viên Ban chấp hành	Hội liên hiệp phụ nữ thành phố	Thạc sĩ Luật	Phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới
71	Huỳnh Thanh Liêm	1966		Phó Chủ tịch Hội	Hội cựu chiến binh thành phố	Cử nhân XD đảng và chính quyền nhà nước	Công tác chính sách, pháp luật của Hội CCB
72	Nguyễn Văn Lợi	1964		Phó Trưởng ban	Ban Công tác Hội Cựu chiến binh thành phố	Cử nhân XD đảng và chính quyền nhà nước	Công tác chính sách, pháp luật của Hội CCB
73	Nguyễn Quốc Dũng	1982		Chủ tịch	Liên đoàn lao động thành phố	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Lao động, công đoàn

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
74	Bùi Thị Bích Thủy		1980	Phó Chủ tịch Thường trực	Liên đoàn lao động thành phố	Thạc sĩ kinh tế	Lao động, công đoàn, Quy chế dân chủ
75	Nguyễn Đức Thắng	1975		Phó Chủ tịch	Liên đoàn lao động thành phố	Thạc sĩ Hành chính công	Lao động, công đoàn
76	Nguyễn Tấn Khanh	1983		UVTV. Phó trưởng ban Ban Công tác Công đoàn cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Cử nhân Quản trị văn phòng và lưu trữ Cử nhân Tư tưởng HCM	Tổ chức, công đoàn
77	Nguyễn Thị Tuyết		1978	UVTV. Phó trưởng ban Ban Công đoàn các KCN cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Lao động, công đoàn
78	Phạm Văn Chiến	1977		UVTV. Phó trưởng ban Ban Công tác Công đoàn cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Thạc sĩ Luật; Cử nhân Tư tưởng văn hóa	Lao động, công đoàn
79	Đào Minh Tân	1987		UVTV. Phó trưởng ban Ban Công tác Công đoàn cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Thạc sĩ Luật	Tổ chức, Công đoàn

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
80	Nguyễn Hữu Đại	1976		UVTV. Phó trưởng ban Ban Công đoàn các KCN cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Lao động, Công đoàn
81	Trần Bá Lợi	1987		UVTV. Phó trưởng ban Ban Công đoàn các KCN cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Thạc sĩ Chính trị học; Cử nhân Luật	Công đoàn
82	Trịnh Đức Thắng	1972		Phó trưởng ban Ban Công tác Công đoàn cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Kỹ sư điện tử Cử nhân Tôn giáo	Lao động, Công đoàn
83	Lê Thị Giang Thảo		1977	Phó trưởng ban Ban Công tác Công đoàn cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Cử nhân Luật, QTKD Thạc sĩ Kinh tế	Lao động, Công đoàn
84	Hồ Thanh Quý	1980		Phó trưởng ban Ban Công đoàn các KCN cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Cử nhân Luật	Lao động, Công đoàn
85	Nguyễn Thế Hoan	1981		Phó trưởng ban Ban Công tác Công đoàn cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Thạc sĩ Luật	Tổ chức, Công đoàn

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
86	Nguyễn Thành Trung	1984		Phó trưởng ban Ban Công đoàn các KCN cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Cử nhân sư phạm; Cử nhân quản lý văn hóa tư tưởng; Thạc sĩ quản lý công	Lao động, kinh tế, chính trị, Công đoàn
87	Nguyễn Hoàng Trung	1983		Phó trưởng ban Ban Công tác Công đoàn cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Cử nhân Luật; Cử nhân Anh văn	Thỏa ước lao động tập thể, quy chế dân chủ
88	Phạm Thị Thụy		1982	Phó trưởng ban Ban Công tác Công đoàn cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Cử nhân tài chính – kế toán; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Tài chính công đoàn
89	Trần Thanh Thắng	1977		Phó trưởng ban Ban Công đoàn các KCN cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Cử nhân Kinh tế; Luật; Quản lý VHTT	Lao động, Công đoàn
90	Nguyễn Thị Phước An		1982	Cán bộ Ban Công tác Công đoàn cơ quan UBMTTQVN thành phố	Liên đoàn lao động thành phố	Cử nhân Lịch sử Đảng	Pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội
91	Nguyễn Thanh Thuyên	1975		Trưởng Ban pháp chế	Hội đồng nhân dân thành phố	Thạc sĩ Quản lý hành chính; Cử nhân Luật	Văn bản liên quan đến lĩnh vực pháp chế Hội đồng nhân dân

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
92	Trần Hoàng Tâm	1983		Phó Trưởng Ban pháp chế	Hội đồng nhân dân thành phố	Cử nhân Luật	Văn bản liên quan đến lĩnh vực pháp chế Hội đồng nhân dân
93	Nguyễn Ngọc Lương	1974		Phó Trưởng ban Văn hóa – Xã hội	Hội đồng nhân dân thành phố	Cử nhân Luật	Văn bản liên quan đến lĩnh vực Văn hóa, xã hội Hội đồng nhân dân
94	Hà Mạnh Tường	1968		Phó Chủ nhiệm	Đoàn Luật sư thành phố	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
95	Trần Cao Đại Kỳ Quân	1976		Phó Chủ nhiệm	Đoàn Luật sư thành phố	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
96	Nguyễn Minh Đăng	1980		Phó Chủ nhiệm	Đoàn Luật sư thành phố	Cử nhân luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
97	Lê Văn Nam	1976		Luật sư	Đoàn Luật sư thành phố	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
98	Mai Long Định	1978		Ủy viên BCN	Đoàn Luật sư thành phố	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
99	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		1978	Luật sư	Đoàn Luật sư thành phố	Cử nhân luật; Thạc sĩ Luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
100	Hồ Phương Bình	1982		Luật sư	Đoàn Luật sư thành phố	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
101	Nguyễn Đức	1948		Luật sư	Đoàn Luật sư thành phố	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
102	Hoàng Liên Sơn	1965		Luật sư	Đoàn Luật sư thành phố	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
103	Trần Văn Giáp	1985		Luật sư	Đoàn Luật sư thành phố	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
104	Nguyễn Như Tuấn	1986		Luật sư	Đoàn Luật sư thành phố	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
105	Đào Nguyễn Hương Duyên		1975	Luật sư	Đoàn Luật sư thành phố	Tiến sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
106	Trần Thị Lan		1986	Luật sư	Đoàn Luật sư thành phố	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
107	Nguyễn Đình Hải	1964		Luật sư	Đoàn Luật sư thành phố	Cử nhân luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
108	Võ Thị Xuân Đào		1976	Chánh Thanh tra	Thanh tra thành phố	Thạc sĩ Luật	Văn bản liên quan ngành Thanh tra
109	Phạm Văn Thuấn	1967		Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra thành phố	Thạc sĩ Luật	Văn bản liên quan ngành Thanh tra
110	Hồ Thanh Bông	1972		Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra thành phố	Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính	Văn bản liên quan ngành Thanh tra
111	Phạm Ngọc Hà	1982		Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra thành phố	Cử nhân hành chính học; Cử nhân Tiếng Anh; Cử nhân Kinh tế Chính trị; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Văn bản liên quan ngành Thanh tra
112	Nông Thanh Thủy		1984	Chánh Văn phòng	Thanh tra thành phố	Cử nhân Kinh tế	Văn bản liên quan ngành Thanh tra

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
113	Trần Thị Hồng Lam		1983	Trưởng phòng Nghiệp vụ 1	Thanh tra thành phố	Cử nhân kinh tế; Thạc sĩ kinh tế	Pháp luật về khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân
114	Phạm Minh Tuấn	1980		Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 1	Thanh tra thành phố	Cử nhân luật	Pháp luật về khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân
115	Nguyễn Đăng Trường	1979		Thanh tra viên phòng Nghiệp vụ 1	Thanh tra thành phố	Cử nhân luật	Pháp luật về khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân
116	Lâm Thị Mỹ Hạnh		1984	Thanh tra viên phòng Nghiệp vụ 1	Thanh tra thành phố	Cử nhân luật; Cử nhân kế toán	Pháp luật về khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân
117	Nguyễn Bảo Thuận		1982	Trưởng phòng Nghiệp vụ 2	Thanh tra thành phố	Cử nhân Tài chính - Kế toán; Thạc sĩ Kế toán	Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng
118	Nguyễn Thanh Tùng	1982		Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 3	Thanh tra thành phố	Thạc sĩ Quản lý xây dựng; Kỹ sư Xây dựng; Cử nhân Luật	Công tác thanh tra lĩnh vực xây dựng

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
119	Đào Như Thuận	1974		Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 3	Thanh tra thành phố	Thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng; Cử nhân Luật	Công tác thanh tra lĩnh vực xây dựng
120	Tô Đình Tinh	1984		Trưởng phòng Nghiệp vụ 4	Thanh tra thành phố	Cử nhân hành chính; Thạc sĩ Luật	Công tác thanh tra, xử lý vi phạm hành chính
121	Lê Hữu An	1971		Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 4	Thanh tra thành phố	Cử nhân Luật; Cử nhân kinh tế; Thạc sĩ Quản lý Kinh tế	Pháp luật nông nghiệp
122	Phạm Quang Huy	1975		Phó Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ 5	Thanh tra thành phố	Thạc sĩ Luật	Thanh tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo lĩnh vực công thương
123	Phan Tấn Lợi	1974		Phó Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ 5	Thanh tra thành phố	Thạc sĩ Kỹ thuật điện	Thanh tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo lĩnh vực công thương

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
124	Hoàng Việt Tùng	1991		Thanh tra viên Phòng Nghiệp vụ 5	Thanh tra thành phố	Cử nhân Kế toán	Thanh tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo lĩnh vực tài chính
125	Dương Hồng Danh	1968		Trưởng phòng Nghiệp vụ 6	Thanh tra thành phố	Bác sĩ Y đa khoa, Bác sĩ CKI Nhi, Bác sĩ CKII Quản lý Y tế; Cử nhân Luật	Pháp luật về y tế
126	Nguyễn Anh Dũng	1974		Thanh tra viên	Thanh tra thành phố	Cử nhân luật; Cử nhân chính trị; Cử nhân kinh tế	Pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo
127	Nguyễn Thị Mến		1980	Phó trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ 7	Thanh tra thành phố	Thạc sĩ Kinh tế, Thạc sĩ Luật	Pháp luật lao động
128	Nguyễn Tấn Khương	1970		Phó trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ 8	Thanh tra thành phố	Cử nhân Luật	Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực tư pháp

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
129	Nguyễn Phan Trong	1981		Trưởng phòng nghiệp vụ 3	Thanh tra thành phố	Kỹ sư Xây dựng cầu đường; Cử nhân Lịch sử Đảng; Cử nhân Luật; Kỹ sư điện tử viễn thông	Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo
130	Nguyễn Trọng Lân	1983		Phó trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ 2	Thanh tra thành phố	Cử nhân hành chính	Phòng chống tham nhũng
131	Đào Quốc Tuấn	1977		Thanh tra viên Phòng nghiệp vụ 1	Thanh tra thành phố	Cử nhân Luật	Tiếp công dân; khiếu nại, tố cáo; Phòng chống tham nhũng, thanh tra
132	Hoàng Văn Đoàn	1992		Thanh tra viên Phòng nghiệp vụ 2	Thanh tra thành phố	Cử nhân hành chính	Phòng chống tham nhũng
133	Mai Văn Điệp	1979		Thanh tra viên Phòng nghiệp vụ 3	Thanh tra thành phố	Cử nhân Luật	Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo
134	Trần Hạnh		1980	Trưởng Khoa Y – Dược - Khoa học cơ bản	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	Thạc sĩ Chính trị học	Luật đại cương, các luật về phòng chống bạo lực giới, các Luật hiện hành khác

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
135	Trần Ngọc Thắng	1980		Phó Giám đốc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tiến sĩ Vật lý	Pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo
136	Huỳnh Công Thuận	1968		Chánh Văn phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cử nhân Giáo dục đặc biệt Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo
137	Lê Quang Trung	1984		Phó Chánh Văn phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cử nhân Hành chính; Cử nhân Luật; Đại học sư phạm	Pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo
138	Hoàng Thị Ngọc Mai		1982	Phó Trưởng phòng GDMN	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (bậc giáo dục mầm non)
139	Vũ Văn Minh	1972		Phó Trưởng phòng GDPT-GDTEX	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (bậc giáo dục tiểu học)
140	Trần Xuân Tiếp	1979		Phó Trưởng phòng GDPT-GDTEX	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tiến sĩ Địa lý	Pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (bậc trung học phổ thông)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
141	Trần Lệ Hằng		1982	Phó Trưởng phòng GDNN	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cử nhân Văn Cử nhân Luật Cử nhân Chính trị	Pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (<i>bậc GDNN, các chính sách liên quan đến trẻ em</i>)
142	Thái Thị Hồng Vân		1990	Chuyên viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cử nhân Luật	Pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo
143	Lục Văn Thủy	1974		Chánh Văn phòng	Sở Công Thương	Cử nhân Luật; Cử nhân Kinh tế	Công tác pháp chế
144	Nguyễn Thị Lan		1978	Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý công nghiệp	Sở Công Thương	Thạc sĩ hóa	Quản lý nhà nước về hóa chất
145	Phạm Châu Tuấn	1976		Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý thương mại	Sở Công Thương	Cử nhân Tài chính kế toán	Thương mại
146	Tạ Thị Hương Huệ		1983	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp	Sở Công Thương	Cử nhân sinh học	An toàn thực phẩm
147	Tân Ngọc Phương	1977		Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý Năng lượng	Sở Công Thương	Kỹ sư điện	Điện
148	Trần Minh Đạt	1979		Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	Sở Công Thương	Kỹ sư Điện	Điện

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
149	Nguyễn Đức Trọng	1980		Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	Sở Công Thương	Cử nhân Kinh tế	Các quy định về chính sách khuyến công
150	Phan Tiến Cường	1986		Phó Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường	Sở Công Thương	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản lý thị trường
151	Nguyễn Thị Mỹ		1977	Trưởng phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp, Chi cục Quản lý thị trường	Sở Công Thương	Cử nhân Kinh tế	Quản lý thị trường
152	Huỳnh Duy		1995	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp	Sở Công Thương	Cử nhân Quản lý công nghiệp	Quản lý nhà nước về Cụm công nghiệp
153	Đinh Thị Lan Hương		1980	Phó Giám đốc	Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai	Thạc sĩ văn hóa	- Di tích lịch sử văn hóa - Bảo tồn đa dạng sinh học
154	Bùi Văn Toàn	1971		Phó Giám đốc trung tâm	Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai	Cử nhân Quản trị Kinh doanh	Tuyên truyền giáo dục môi trường; Bảo tồn đa dạng sinh học
155	Võ An Giang	1989		Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm	Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai	Kỹ sư Lâm sinh	Quản lý tài nguyên rừng và hồ Trị An; Bảo tồn đa dạng sinh học

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
156	Nguyễn Đức Tú	1975		Phó trưởng phòng Phòng Kỹ thuật lâm sinh và đất đai	Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai	Thạc sĩ Lâm nghiệp	Quản lý tài nguyên rừng; Bảo tồn đa dạng sinh học
157	Cao Thị Xuân		1980	Trưởng phòng Phòng Công tác Học sinh, sinh viên	Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Đồng Nai	Thạc sĩ Luật Hành chính	Trong trường học
158	Đoàn Thu Cúc		1978	Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Đồng Nai	Cử nhân ngành Luật	Trong trường học
159	Vòng Đình Tú Trinh		1979	Phó Trưởng phòng Phòng Công tác Học sinh, sinh viên	Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Đồng Nai	Cử nhân Giáo dục chính trị	Trong trường học
160	Trần Thanh Hòa	1972		Giám đốc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Luật; Cử nhân Luật	Lĩnh vực công tác dân tộc; Tín ngưỡng, tôn giáo
161	Nguyễn Văn Khang	1972		Phó Giám đốc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Tôn giáo	Lĩnh vực công tác dân tộc; Tín ngưỡng, tôn giáo
162	Điều Nen	1975		Phó Giám đốc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kinh tế	Lĩnh vực công tác dân tộc

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
163	Hoàng Cur	1975		Phó Giám đốc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Chính trị học; Cử nhân Văn	Lĩnh vực công tác dân tộc; Tín ngưỡng, tôn giáo
164	Thỏ Út	1970		Phó Giám đốc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Cử nhân Kinh tế nông lâm; cử nhân Triết học	Lĩnh vực công tác dân tộc
165	Nguyễn Đình Kiên	1978		Phó Giám đốc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Tôn giáo	Tín ngưỡng, Tôn giáo
166	Trần Thương Huyền	1976		Trưởng phòng Tôn giáo - Tín ngưỡng	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Tôn giáo; Cử nhân Triết học	Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo
167	Nguyễn Thị Hiên		1982	Trưởng phòng Tuyên truyền	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	Lĩnh vực công tác dân tộc
168	Châu Minh Hoàng	1982		Trưởng Phòng Chính sách Dân tộc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc Sĩ Luật kinh tế; Kỹ sư quản lý đất đai	Lĩnh vực công tác dân tộc
169	Nguyễn Minh Trí	1977		Phó Trưởng phòng Phòng Tuyên truyền	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Quản lý công; Cử nhân Dân tộc học	Lĩnh vực công tác dân tộc
170	Nguyễn Thị Dung		1981	Phó Trưởng phòng Phòng Chính sách Dân tộc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Cử nhân Lịch sử; Cử nhân Luật	Lĩnh vực công tác dân tộc

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
171	Hoàng Anh Dũng	1978		Phó Chánh Văn phòng	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Kinh tế nông nghiệp	Lĩnh vực công tác dân tộc
172	Lại Thị Quốc Toàn		1987	Chuyên viên Văn phòng	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Quản lý công; Cử nhân Ngữ văn Anh	Lĩnh vực Tin ngưỡng, tôn giáo
173	Bùi Thị Vân Anh		1987	Phó Trưởng phòng Phòng Kiểm tra thanh tra và Pháp chế	Công ty Điện lực Đồng Nai	Thạc sĩ Luật	Doanh nghiệp, thương mại
174	Trần Thị Xây		1984	Chuyên viên Phòng Kiểm tra thanh tra và Pháp chế	Công ty Điện lực Đồng Nai	Thạc sĩ Luật	Đất đai
175	Nguyễn Duy Hải	1978		Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh	Sở Tài chính	Cử nhân kinh tế	Đăng ký doanh nghiệp
176	Huỳnh Minh Phước	1966		Trưởng phòng Hành chính sự nghiệp	Sở Tài chính	Kỹ sư xây dựng	Tài chính, hành chính sự nghiệp
177	Võ Minh Trung	1984		Trưởng phòng Tổng hợp Quy hoạch	Sở Tài chính	Thạc sĩ Kinh tế	Đầu tư, Đầu tư công, doanh nghiệp
178	Nguyễn Thiện Tri	1972		Phó Trưởng phòng Phòng Đầu tư và Đấu thầu	Sở Tài chính	Kỹ sư xây dựng	Đầu tư và xây dựng cơ bản
179	Phạm Thị Lành		1974	Phó Chánh Văn phòng	Sở Tài chính	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Tài chính, ngân sách nhà nước

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
180	Nguyễn Hoàng Hải	1982		Phó Trưởng phòng Phòng Kinh tế ngành	Sở Tài chính	Cử nhân Luật	Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư
181	Lê Văn Thích	1990		Phó Trưởng phòng Phòng Giá công sản	Sở Tài chính	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng	Quản lý tài sản công, Giá công sản
182	Hồ Lê Trung	1990		Trưởng phòng Ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Thạc sĩ Quản lý hành chính công	Tài chính, Ngân sách nhà nước
183	Nguyễn Thị Thanh Hương		1982	Trưởng phòng Giá công sản	Sở Tài chính	Thạc sĩ kinh tế	Quản lý tài sản công, Giá công sản
184	Mai Trần Cát Tường		1978	Phó Trưởng phòng Phòng Giá công sản	Sở Tài chính	Cử nhân kế toán	Quản lý tài sản công
185	Phan Văn Châu	1961		Chủ tịch	Hội Luật gia thành phố	Thạc sĩ Hành chính công, Cử nhân Luật	Nhiều lĩnh vực
186	Dương Văn Tín	1961		Phó Chủ tịch	Hội Luật gia thành phố	Cử nhân Luật	Nhiều lĩnh vực
187	Vòng Khiêng	1955		Tư vấn viên	Hội Luật gia thành phố	Cử nhân Luật	Nhiều lĩnh vực
188	Nguyễn Thành Lượng	1961		Luật gia	Hội Luật gia thành phố	Thạc sĩ Luật	Nhiều lĩnh vực
189	Phạm Đình Đức	1956		Tư vấn viên	Hội Luật gia thành phố	Cử nhân Luật	Lao động, Hành chính, Dân sự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
190	Đỗ Minh Chánh	1970		Luật gia	Hội Luật gia thành phố	Cử nhân luật	Luật Dân sự; Luật hình sự và Luật Hành chính
191	Chu Văn Hiền	1982		Phó trưởng Ban Tuyên truyền, phổ biến và xây dựng pháp luật	Hội Luật gia thành phố	Cử nhân Luật	Nhiều lĩnh vực
192	Phạm Thị Phương		1989	Phó Chánh Văn phòng	Hội Luật gia thành phố	Cử nhân Luật	Nhiều lĩnh vực
193	Nguyễn Thị Trang Hoàng		1969	Phó Chủ tịch	Hội Luật gia thành phố	Thạc sĩ Luật	Dân sự, Hôn nhân và gia đình, Đất đai
194	Nguyễn Ngọc Cường	1968		Giám đốc Trung tâm tư vấn pháp luật	Hội Luật gia thành phố	Cử nhân Luật	Dân sự, Hôn nhân và gia đình, Đất đai
195	Đỗ Văn Gọn	1965		Ủy viên Ban Chấp hành	Hội Luật gia thành phố	Cử nhân Luật	Dân sự, Hình sự, Đất đai
196	Nguyễn Văn Lễ	1960		Ủy viên Ban Chấp hành	Hội Luật gia thành phố	Cử nhân Luật	Dân sự, Hôn nhân và gia đình, Đất đai
197	Đỗ Thị Huệ		1991	Ủy viên Ban Chấp hành	Hội Luật gia thành phố	Thạc sĩ Luật	Dân sự, Hôn nhân và gia đình, Đất đai

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
198	Nguyễn Thị Thu Tâm		1980	Chuyên viên	Hội Luật gia thành phố	Cử nhân Luật	Dân sự, Hôn nhân và gia đình, Đất đai
199	Phan Tấn Phát	1993		Chuyên viên	Hội Luật gia thành phố	Thạc sĩ Luật	Dân sự, Hôn nhân và gia đình, Đất đai
200	Nguyễn Trung Tín	1988		Luật gia, Luật sư Trung tâm tư vấn pháp luật thành phố Đồng Nai - CN Biên Hoà -	Hội Luật gia thành phố	Cử nhân Luật	Dân sự, Hình sự, Đất đai
201	Trần Thương Nguyên		1990	Chuyên viên	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Cử nhân luật	Thủ tục hành chính, phòng chống tham nhũng, thi đua khen thưởng
202	Nguyễn Thị Kim Thanh		1972	Phó Trưởng phòng	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Cử nhân kinh tế	Lao động
203	Trần Kinh Quốc	1984		Chuyên viên	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Cử nhân Luật	Đầu tư, doanh nghiệp
204	Dương Minh Thiện	1982		Phó Trưởng phòng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Thạc sĩ QLKT; Cử nhân QTKD	Kinh tế

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
205	Phạm Minh Lâm	1979		Chuyên viên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Thạc sĩ Pháp luật về Quyền con người; Cử nhân luật	Dân sự
206	Đinh Xuân Thùy	1975		Trưởng phòng Nội chính	Văn phòng UBND thành phố	Cử nhân Luật; Thạc sĩ Luật hình sự và Tố tụng hình sự	Công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tố tụng hành chính
207	Nguyễn Thành Chung	1982		Phó Trưởng phòng Phòng Khoa giáo – Văn xã	Văn phòng UBND thành phố	Thạc sĩ Kinh tế học; Cử nhân Luật	Chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về an sinh xã hội, dân tộc, tôn giáo
208	Nguyễn Đức Dũng	1982		Trưởng phòng Phòng Chính sách xã hội	Sở Y tế	Thạc sĩ Công tác xã hội; Cử nhân Luật; Cử nhân Xã hội học	Chính sách xã hội
209	Nguyễn Thị Mỹ Trinh		1983	Phó Trưởng phòng Phòng Chính sách xã hội	Sở Y tế	Cử nhân Xã hội học; Cử nhân Ngoại ngữ	Chính sách xã hội

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
210	Đỗ Văn Tuyên	1985		Chuyên viên Phòng Chính sách xã hội	Sở Y tế	Cử nhân xã hội học	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em
211	Nguyễn Văn Lương	1985		Chuyên viên Phòng Chính sách xã hội	Sở Y tế	Thạc sĩ quản lý kinh tế; Cử nhân xã hội học	Phòng chống tệ nạn xã hội
212	Phan Thị Thanh Nhân		1989	Chuyên viên Phòng Chính sách xã hội	Sở Y tế	Cử nhân Hành chính	Bảo trợ xã hội
213	Nguyễn Đăng Thuận	1980		Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	Sở Y tế	Cử nhân xã hội học	Tổ chức cán bộ
214	Lê Văn Hậu	1979		Phó Trưởng phòng Phòng Dân số	Sở Y tế	Cử nhân Lịch sử	Dân số và phát triển
215	Nguyễn Mạnh Hùng	1985		Chuyên viên Phòng Dân số	Sở Y tế	Cử nhân Công tác xã hội	Dân số và phát triển
216	Hoàng Lê Khánh Hằng		1978	Chuyên viên Phòng Dân số	Sở Y tế	Cử nhân Xã hội	Dân số và phát triển
217	Vũ Thị Hồng Điệp		1981	Chuyên viên Phòng Dân số	Sở Y tế	Cử nhân Giáo dục học	Dân số và phát triển
218	Bùi Thái Lệ Khương		1979	Phó Trưởng phòng Phòng An toàn thực phẩm	Sở Y tế	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm	An toàn thực phẩm
219	Nguyễn Đình Việt	1982		Phó Trưởng phòng Phòng An toàn thực phẩm	Sở Y tế	Kỹ sư công nghệ thực phẩm	An toàn thực phẩm

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
220	Tạ Văn Biết	1973		Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ	Sở Y tế	Bác sĩ chuyên khoa II	Khám bệnh, chữa bệnh
221	Trần Văn Phú	1969		Phó Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ	Sở Y tế	Dược sĩ chuyên khoa II	Dược phẩm
222	Huỳnh Tú Anh	1968		Phó Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ	Sở Y tế	Thạc sĩ điều dưỡng	Khám bệnh, chữa bệnh
223	Vũ Văn Đán	1980		Phó trưởng phòng Phòng Chính sách xã hội	Sở Y tế	Cử nhân Luật	Phòng, chống tê nạn xã hội
224	Bùi Duy Vương	1980		Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	Sở Y tế	Thạc sĩ, bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh
225	Nguyễn Tuấn Anh	1993		Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	Sở Y tế	Bác sĩ chuyên khoa I	Khám bệnh, chữa bệnh
226	Đặng Mỹ Lệ		1984	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	Sở Y tế	Dược sĩ chuyên khoa I	Dược phẩm
227	Trần Ngọc Điệt	1986		Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	Sở Y tế	Dược sĩ chuyên khoa I	Dược phẩm
228	Trần Minh Tám	1975		Trưởng phòng Phòng An toàn thực phẩm	Sở Y tế	BSCCKII. Tổ chức quản lý y tế	An toàn thực phẩm

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
229	Huỳnh Thị Bé Năm		1977	Giám đốc	Sở Ngoại vụ	Thạc sĩ Hành chính công	Công tác đối ngoại; Công tác quản lý Biên giới.
230	Nguyễn Việt Thắng	1973		Phó Giám đốc	Sở Ngoại vụ	Tiến sĩ Quản trị kinh doanh; Thạc sĩ Hành chính công	Công tác đối ngoại; Hợp tác quốc tế.
231	Võ Văn Dinh	1972		Phó Giám đốc Sở	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Quản lý môi trường	Môi trường, khí hậu thủy văn, biến đổi khí hậu
232	Châu Thanh An	1982		Trưởng phòng Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Thủy sản, Cử nhân Luật	Lĩnh vực Thủy sản
233	Đỗ Minh Phương	1975		Phó trưởng phòng Phòng Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư Kinh tế nông nghiệp	Lĩnh vực Pháp chế, PTNT
234	Đặng Thị Thùy Dương		1979	Phó trưởng phòng Phòng Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Kỹ thuật và Quản lý Môi trường	Môi trường
235	Lê Ngọc Hân		1983	Chuyên viên Phòng Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Kỹ thuật Môi trường	Môi trường

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
236	Trần Sỹ Biên		1985	Chuyên viên Phòng Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân sinh học	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản
237	Bùi Thị Từ		1985	Chuyên viên Phòng Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư nông học	Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản
238	Võ Thị Hồng Thuý		1980	Chuyên viên Phòng Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Khoa học công nghệ	Trồng trọt, Bảo vệ thực vật
239	Nguyễn Hữu Tài	1988		Chuyên viên Phòng Pháp chế	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Quản lý Môi trường, Kỹ sư đất đai	Đất đai
240	Hoàng Văn Cường	1975		Phó trưởng phòng, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư Chăn nuôi thú y	Thú y
241	Lê Thị Loan		1980	Phó Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư Thủy sản	Thủy sản
242	Nguyễn Công Thành	1971		Phó Giám đốc Trung tâm Kiểm dịch và Chẩn đoán, Xét nghiệm thú y, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân luật; Kỹ sư Chăn nuôi	Thú y
243	Nguyễn Xuân Cường	1983		Trưởng phòng, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ kinh tế; Kỹ sư chăn nuôi	Chăn nuôi

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
244	Lâm Hữu Luyện	1982		Phó trưởng phòng, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư chăn nuôi	Chăn nuôi
245	Nguyễn Đình Trình	1989		Phó Giám đốc Ban QLRPH Long Thành	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Lâm nghiệp
246	Nguyễn Văn Dũng	1979		Trưởng phòng Bảo vệ rừng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ lâm học	Lâm nghiệp
247	Nguyễn Ngọc Phượng	1983		Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Khu vực số 5, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ lâm học	Lâm nghiệp
248	Nguyễn Đình Long	1980		Trưởng phòng Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư Lâm nghiệp Thạc sĩ Quản lý tài nguyên rừng	Lâm nghiệp
249	Cao Xuân Hưng	1983		Phó Trưởng phòng Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư Lâm nghiệp	Lâm nghiệp
250	Trần Thị Tú Oanh		1982	Phó Chi cục Trưởng Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư nông học	Trồng trọt, bảo vệ thực vật
251	Lê Thúc Long	1976		Phó Chi cục Trưởng Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Pháp luật về Bảo vệ thực vật
252	Võ Thế Hiệp	1988		Phó Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân sư phạm kỹ thuật nông nghiệp; Thạc sĩ quản lý kinh tế	Phát triển nông thôn

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
253	Bùi Hoàng	1983		Chuyên viên Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân phát triển nông thôn; Thạc sĩ quản lý kinh tế	Lĩnh vực nông thôn mới
254	Tổng Thị Hằng		1973	Giám đốc Quỹ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân hệ thống thông tin Kinh tế; Thạc sĩ Quản lý công	Công tác Văn phòng
255	Bùi Dương Vương			Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Quản lý Môi trường	Lĩnh vực môi trường
256	Nguyễn Đức Cử			Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Quản lý môi trường	Môi trường
257	Nguyễn Thị Mai Liên		1974	Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Kỹ thuật Môi trường	Môi trường, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học
258	Phạm Văn Huỳnh	1981		Trưởng phòng Quan trắc môi trường, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Kỹ thuật Môi trường	Môi trường
259	Ngô Thị Kiều Diễm		1980	Trưởng phòng - Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và môi trường	Môi trường, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
260	Chu Ngọc Tuấn	1989		Phụ trách kỹ thuật Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và môi trường	Môi trường
261	Võ Thị Huyền		1981	Phó Trưởng phòng - Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân sinh học	Môi trường, đa dạng sinh học
262	Nguyễn Kiều Vân		1981	Phó Trưởng phòng - Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và môi trường	Môi trường
263	Phạm Thị Hà		1976	Phó Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Thú y	Quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản
264	Phan Thị Thanh Tâm		1982	Trưởng phòng - Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn
265	Trịnh Thị Thu Hà		1987	Phó Trưởng phòng - Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư nông học	Xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nông sản

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
266	Hồ Thị Thanh Huyền		1986	Chuyên viên Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư nuôi trồng thủy sản	Quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản
267	Nguyễn Lê Minh	1989		Chuyên viên Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư Nông học	Trồng trọt, bảo vệ thực vật
268	Nguyễn Trọng Toàn	1987		Chuyên viên Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư Nông học	Trồng trọt, bảo vệ thực vật
269	Trần Hoàng Phong	1987		Chuyên viên Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân kinh tế	Phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo
270	Thái Doãn Hòa	1978		Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản	Sở Xây dựng	Thạc sĩ Kỹ thuật	Quản lý nhà và thị trường bất động sản
271	Chu Việt Hùng	1970		Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý chất lượng xây dựng	Sở Xây dựng	Thạc sĩ Luật; Kỹ sư xây dựng	Quản lý chất lượng xây dựng
272	Lê Phạm Hoàng Tùng	1981		Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Sở Xây dựng	Cử nhân luật	Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
273	Nguyễn Khắc Vĩnh	1970		Phó Giám đốc	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân khoa học	Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch
274	Huỳnh Thị Thanh Tú		1976	Trưởng phòng Quản lý Báo chí và Xuất bản	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân báo chí; Thạc sĩ Chính trị	Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực thông tin báo chí và xuất bản
275	Chu Văn Phong	1982		Trưởng phòng Quản lý Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sĩ Quản lý hành chính công	Văn bản Pháp luật liên quan đến lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch
276	Nguyễn Thành Nam	1979		Trưởng phòng Quản lý Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân Luật; Cử nhân Chính trị học	Văn bản Pháp luật liên quan đến lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch
277	Nguyễn Bình An	1989		Phó Chánh Văn phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân Luật Kinh tế; Thạc sĩ Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự	Văn bản Pháp luật liên quan đến lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
278	Ngô Thị Hoàng Oanh		1979	Phó Chánh Văn phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh; Cử nhân Quản lý Văn hoá	Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực thông tin báo chí và xuất bản
279	Nguyễn Trần Kiệt	1980		Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sĩ Lịch sử; Cử nhân chính trị	Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực Văn hóa
280	Trần Thị Thu Hiền		1980	Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sĩ Quản lý văn hóa; Cử nhân Kinh tế Chính trị	Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực văn hóa và Gia đình
281	Nguyễn Lai	1972		Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân Hành chính	Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực văn hóa, Thể thao và Du lịch
282	Cao Thế Hải	1986		Phó trưởng phòng Phòng Quản lý Thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân Luật; Đại học Giáo dục Thể chất	Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực thể thao

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
283	Lê Thị Hương		1988	Chuyên viên Phòng Quản lý văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sĩ Châu Á học; Cử nhân Ngôn ngữ Anh; Cử nhân Xã hội học	Lĩnh vực văn hóa
284	Phan Thị Như Quỳnh		1982	Chuyên viên Phòng Quản lý văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sĩ Ngôn ngữ học; Cử nhân Sư phạm Ngữ văn; Cử nhân Quản lý Văn hóa tư tưởng	Lĩnh vực văn hóa
285	Trần Thị Nhung		1985	Chuyên viên Phòng Quản lý văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân lịch sử	Lĩnh vực văn hóa
286	Nguyễn Thị Dịu		1981	Chuyên viên Phòng Quản lý văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sĩ Quản lý Công; Cử nhân Văn hóa Du lịch	Lĩnh vực văn hóa
287	Vũ Ngọc Bích	1976		Phó Giám đốc Thư viện thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân Luật	Văn bản Pháp luật liên quan đến lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch
288	Nguyễn Văn Oai	1977		Phó Phòng Quản lý Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sĩ Quản lý và Phát triển Du lịch	Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực Du lịch

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
289	Ngô Hùng Vĩ	1977		Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa Điện ảnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân Luật	Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và du lịch
290	Dương Kim Trường Chinh		1990	Chuyên viên Phòng Quản lý Báo chí và Xuất bản	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sĩ Luật	Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực thông tin báo chí và xuất bản
291	Trương Xuân Thành	1982		Chuyên viên Phòng Quản lý Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân Văn hóa	Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực văn hóa
292	Bùi Văn Sỹ	1970		Phó Chính ủy Bộ CHQS thành phố	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Cử nhân chính trị	Quân sự, quốc phòng
293	Phạm Văn Đăng	1973		Phó Chính ủy kiêm Chính ủy Ban Chỉ huy BDBP	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Cử nhân chính trị	Quân sự, quốc phòng
294	Nguyễn Danh Trang	1973		Chủ nhiệm Chính trị	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Cử nhân chính trị	Quân sự, quốc phòng
295	Lý Quyết Thắng	1982		Phó Chủ nhiệm Chính trị	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Cử nhân chính trị	Quân sự, quốc phòng

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
296	Hà Văn Khởi	1986		Trưởng Ban Tuyên huấn	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Cử nhân chính trị	Quân sự, quốc phòng
297	Nguyễn Xuân Linh	1979		Trưởng phòng PH10	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh, trật tự
298	Phạm Đức Kiên	1980		Phó Trưởng phòng Phòng PV01	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh, trật tự
299	Huỳnh Văn Tấn Đông	1984		Phó Trưởng phòng Phòng PV01	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
300	Lê Huy Hùng	1984		Đội trưởng Phòng PV01	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
301	Nguyễn Chí Công	1984		Cán bộ Phòng PV01	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
302	Trần Thanh Duy	1990		Cán bộ Phòng PV01	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	Hình sự, tố tụng hình sự,
303	Nguyễn Văn Mạnh	1983		Cán bộ Phòng PV01	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
304	Hồ Sỹ Giáp	1984		Cán bộ Phòng PV01	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
305	Trần Thị Lan Anh		1979	Phó Trưởng phòng Phòng PX01	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
306	Nguyễn Văn Trường	1978		Phó Đội trưởng Phòng PX01	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
307	Nguyễn Thành Long	1977		Đại tá, Trưởng Phòng PX05	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật; Cao cấp lý luận chính trị	Pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Luật phòng, chống tham nhũng trong CAND.
308	Ngô Thanh Hòa	1976		Trưởng phòng PA01	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
309	Trương Văn Thủy	1975		Phó trưởng phòng Phòng PA01	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
310	Trần Minh Tân	1980		Phó Trưởng phòng Phòng PA01	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
311	Đình Trung Kiên	1980		Phó Trưởng phòng Phòng PA02	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	Bảo vệ An ninh quốc gia
312	Lê Quang Châu	1975		Phó Trưởng phòng Phòng PA02	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Bảo vệ An ninh quốc gia
313	Đình Thị Thúy Hằng		1977	Phó Trưởng phòng Phòng PA02	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Bảo vệ An ninh quốc gia
314	Vũ Công Dũng	1985		Phó Đội trưởng, Phòng PA02	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
315	Chu Văn Trung	1989		Phó Đội trưởng Phòng PA02	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
316	Phạm Hồng Chính		1978	Trưởng phòng PA03	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
317	Phạm Chí Lân	1978		Phó Trưởng phòng Phòng PA03	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
318	Nguyễn Văn Dân	1972		Phó Trưởng phòng Phòng PA03	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
319	Nguyễn Văn Huy	1978		Phó Trưởng phòng Phòng PA03	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
320	Trịnh Văn Huy	1982		Đội trưởng Phòng PA03	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
321	Hoàng Kim Sự	1983		Phó Đội trưởng Phòng PA03	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
322	Lê Đình Tuấn	1987		Cán bộ Phòng PA03	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
323	Nguyễn Xuân Thanh	1973		Phó Trưởng Phòng PA05	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh quốc gia
324	Nguyễn Hải Dương	1980		Phó Trưởng Phòng PA05	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh quốc gia
325	Nguyễn Minh Hiếu	1981		Phó Trưởng Phòng PA05	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh quốc gia
326	Nguyễn Hữu Linh	1993		Cán bộ Phòng PA05	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
327	Nguyễn Hồng Vinh	1982		Phó Trưởng Phòng PA04	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
328	Hồ Văn Thu	1979		Phó trưởng Phòng PC01	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
329	Nguyễn Thanh Quang	1985		Đội trưởng Phòng PC01	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
330	Ngô Quý Hiền	1974		Phó Trưởng Phòng PC03	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	Tội phạm học và điều tra tội phạm
331	Hoàng Phi Hiều	1988		Phó Đội trưởng Phòng PC03	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
332	Nguyễn Lê Anh	1982		Phó trưởng Phòng PC04	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
333	Đào Văn Mạnh	1987		Phó Đội trưởng Phòng PC04	Công an thành phố	Cử nhân Công nghệ sinh học	An ninh trật tự
334	Đinh Thị Hồng Thúy		1990	Cán bộ Phòng PC04	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
335	Hồ Ngọc Chiến	1972		Phó Trưởng Phòng PC06	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Quản lý hành chính về TTXH
336	Đoàn Thị Phẩm		1975	Phó Trưởng Phòng PC06	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
337	Nguyễn Thanh Phong	1974		Phó Trưởng Phòng PC06	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
338	Ngô Thanh Tâm	1986		Phó Đội trưởng Phòng PC06	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
339	Phạm Ngọc Thành	1988		Phó Đội trưởng Phòng PC06	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
340	Phan Văn Sỹ	1983		Đội trưởng Phòng PC06	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
341	Hoàng Trung Thảo	1990		Phó Đội trưởng Phòng PC06	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Quản lý hành chính về TTXH
342	Nguyễn Xuân Nhiệm	1979		Phó Đội trưởng Phòng PC06	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
343	Mai Huyền Trinh		1978	Phó Đội trưởng Phòng PC06	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Quản lý hành chính về TTXH
344	Bùi Đỗ Tuấn	1990		Cán bộ Phòng PC06	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
345	Nguyễn Hữu Bảo	1997		Cán bộ Phòng PC06	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
346	Nguyễn Thọ Bài	1975		Trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Thạc sĩ phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH
347	Nguyễn Danh Hương	1970		Phó Trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Đại học phòng cháy chữa cháy	An ninh trật tự
348	Phan Văn Quỳnh	1977		Phó Trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Kỹ sư phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH
349	Nguyễn Minh Tàu	1974		Phó Trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Kỹ sư phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
350	Phạm Thế Hào	1999		Cán bộ Phòng PC07	Công an thành phố	Cử nhân Phòng cháy chữa cháy	An ninh trật tự
351	Lê Đức Trình	1979		Phó Trưởng Phòng PC08	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	Trật tự an toàn giao thông
352	Phạm Văn Nguyên	1988		Đội trưởng Phòng PC08	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Trật tự an toàn giao thông
353	Đỗ Minh Đoan		1977	Phó Đội trưởng Phòng PC08	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
354	Trương Công Hải	1988		Phó Đội trưởng Phòng PC08	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
355	Phạm Văn Huyền	1993		Cán bộ Phòng PC08	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
356	Trương Phi Long	1997		Cán bộ Phòng PC08	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
357	Nguyễn Phước Nhành	1975		Trưởng Phòng PC09	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
358	Đoàn Thanh Duẩn	1974		Phó Trưởng Phòng PC09	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Hình sự, Tố tụng hình sự
359	Trần Xuân Sơn	1983		Phó Đội trưởng, Phòng PC09	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Kỹ thuật hình sự, Giám định tư pháp
360	Nguyễn Hồng Quân	1975		Phó Trưởng Phòng PC10	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
361	Đỗ Khắc Hồng	1974		Giám thị Trại tạm giam số 1	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	Thi hành án hình sự; quản lý tạm giữ, tạm giam
362	Nguyễn Quốc Thành	1975		Phó Giám thị Trại tạm giam số 2	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Thi hành án hình sự; quản lý tạm giữ, tạm giam
363	Nguyễn Văn Lập	1972		Phó Giám thị Trại tạm giam số 2	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Thi hành án hình sự; quản lý tạm giữ, tạm giam
364	Lê Sỹ Văn	1977		Phó Đội trưởng Đội Quản giáo Trại tạm giam số 2	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Thi hành án hình sự; quản lý tạm giữ, tạm giam
365	Bùi Thị Kim Dung		1986	Cán bộ Trại tạm giam số 1	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
366	Đặng Minh Hải	1981		Phó trưởng phòng Phòng PC02	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Phòng ngừa, điều tra tội phạm xâm phạm sở hữu
367	Vũ Tuấn Việt	1986		Phó Đội trưởng Phòng PC02	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Hình sự, Phòng chống tội phạm hình sự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
368	Nguyễn Hữu Đạo	1988		Cán bộ Phòng PA08	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Quản lý XNC của CDVN
369	Nguyễn Hữu Hiều	1994		Cán bộ Phòng PA08	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Quản lý XNC, quá cảnh, cư trú của NNN
370	Phan Duy Tân	1978		Phó Giám thị Trại tạm giam số 1	Công an thành phố	Đại học cảnh sát nhân dân	Thi hành án Hình sự
371	Hoàng Văn Thương	1978		Phó Giám thị Phòng PC11B	Công an thành phố	Đại học cảnh sát nhân dân	Thi hành án Hình sự
372	Nguyễn Khắc Hào	1988		Phó Đội trưởng Phòng PC11B	Công an thành phố	Đại học cảnh sát nhân dân	Thi hành án Hình sự
373	Lê Ngọc Lợi	1983		Cán bộ Phòng PC11B	Công an thành phố	Đại học cảnh sát nhân dân	Thi hành án Hình sự
374	Phạm Trọng Đại	1971		Trưởng Phòng PA06	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	Tội phạm học và điều tra tội phạm
375	Nguyễn Văn Võ	1974		Trưởng Phòng PC10	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	Thi hành án hình sự và hòa nhập cộng đồng
376	Nguyễn Văn Tính	1978		Phó trưởng phòng, Phòng PA09	Công an thành phố	Thạc sĩ cảnh sát nhân dân	An ninh quốc gia

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
377	Nguyễn Gia Định	1979		Phó trưởng phòng, Phòng PC02	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	Hình sự, Phòng chống Tội phạm hình sự
378	Nguyễn Văn Trà	1979		Phó trưởng phòng Phòng PX03	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	Hình sự, Phòng chống Tội phạm hình sự
379	Nguyễn Đình Long	1982		Phó Trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Đại học phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH
380	Hà Văn Nam	1978		Phó Đội trưởng Phòng PV01	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Tuyên truyền PBGDPL
381	Trần Ngọc Tú	1983		Ủy viên UBKT Đảng ủy Công an thành phố	Công an thành phố	Thạc sĩ chuyên ngành Điều tra tội phạm	An ninh trật tự
382	Trần Xuân Hữu	1976		Đội trưởng Phòng PA09	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
383	Đoàn Văn Trung	1979		Đội trưởng Phòng PV01	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Tuyên truyền PBGDPL
384	Trần Bạch Nhật	1976		Phó Đội trưởng Phòng PV01	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Tuyên truyền PBGDPL
385	Đào Văn Thêm	1976		Cán bộ Phòng PV01	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	Tuyên truyền PBGDPL
386	Hoàng Công Thái	1996		Cán bộ Phòng PV01	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Tuyên truyền PBGDPL

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
387	Lê Đức Hiệp	1985		Đội trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Thạc sĩ phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH
388	Nguyễn Đình Tâm	1988		Phó Đội trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Đại học phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH
389	Dương Ngọc Toàn	1986		Đội trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Đại học phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH
390	Vũ Nguyễn Quỳnh Sơn	1987		Đội trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Đại học phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH
391	Trần Tính Tài	1992		Phó Đội trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Đại học phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH
392	Vũ Ngọc Hùng	1989		Phó Đội trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Đại học phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH
393	Phạm Văn Hữu	1991		Phó Đội trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Đại học phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH
394	Nguyễn Thái Bình	1990		Phó Đội trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Đại học phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH
395	Nguyễn Đức Nghĩa	1990		Phó Đội trưởng Phòng PC07	Công an thành phố	Đại học phòng cháy chữa cháy	PCCC&CNCH
396	Lê Văn Chiến	1986		Cán bộ Phòng PC02	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	Hình sự, Phòng chống tội phạm hình sự
397	Nguyễn Đình Thông	1985		Cán bộ Phòng PC02	Công an thành phố	Thạc sĩ Luật	Hình sự, Phòng chống tội phạm hình sự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
398	Đặng Văn Thê	1984		Đội trưởng Phòng PC02	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Hình sự, Phòng chống tội phạm hình sự
399	Lê Thanh Tài	1984		Cán bộ Phòng PC02	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Hình sự, Phòng chống tội phạm hình sự
400	Lê Viết Thịnh	1985		Cán bộ Phòng PC02	Công an thành phố	Thạc sĩ (kinh tế - chính trị); ĐHCS (ĐTHS)	Hình sự, Phòng chống tội phạm hình sự
401	Phạm Thanh Minh	1993		Cán bộ Phòng PC02	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Hình sự, Phòng chống tội phạm hình sự
402	Trần Nhật Trường	1990		Cán bộ Phòng PC02	Công an thành phố	Cử nhân Luật	Hình sự, Phòng chống tội phạm hình sự
403	Lê Hùng Minh	1988		Cán bộ Phòng PA03	Công an thành phố	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
404	Võ Anh Đức	1972		Chuyên viên	Chi Cục Hải quan khu vực XVIII	Cử nhân Luật	Hải quan

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
405	Nguyễn Thị Quy		1971	Phó Giám đốc	Bảo hiểm xã hội thành phố Đồng Nai	Bác Sĩ Y khoa -Y; Bác sĩ Chuyên khoa I	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
406	Nguyễn Văn Tân	1971		Phó Giám đốc	Bảo hiểm xã hội thành phố Đồng Nai	Cử nhân Tài chính kế toán DN; Cử nhân Quản trị kinh doanh; Cử nhân Dược sĩ; Thạc Sĩ Luật kinh tế	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
407	Ngô Tiến Dũng	1976		Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính	Bảo hiểm xã hội thành phố Đồng Nai	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Tài chính kế toán	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
408	Hồ Thị Tú		1979	Phó Trưởng phòng Phòng Tuyên truyền và Hỗ trợ người tham gia	Bảo hiểm xã hội thành phố Đồng Nai	Cử nhân Kế toán	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
409	Nguyễn Thanh Phong	1978		Phó Giám đốc	Sở Khoa học và Công nghệ	Cử nhân toán tin	Lĩnh vực Công nghệ thông tin, chuyên đổi số, bưu chính, viễn thông

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
410	Nguyễn Huy Hoàng	1980		Trưởng phòng Phòng Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Công nghệ thông tin	Lĩnh vực Công nghệ thông tin, chuyển đổi số, bưu chính, viễn thông
411	Nguyễn Ngọc Lai	1977		Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Thạc sĩ Quản lý môi trường	Lĩnh vực chuyên ngành khoa học và Công nghệ
412	Lâm Sơn Hà	1984		Trưởng phòng Phòng Đổi mới Sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Luật	Lĩnh vực chuyên ngành khoa học và Công nghệ
413	Trần Thị Hồng Nga		1978	Trưởng phòng Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân công nghệ thông tin	Lĩnh vực chuyên ngành khoa học và Công nghệ
414	Đàm Văn Toàn	1982		Trưởng phòng Phòng Khoa học Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Tiến sĩ Lâm nghiệp; Thạc sĩ Khoa học Môi trường; Kỹ sư Lâm nghiệp	Lĩnh vực chuyên ngành khoa học và Công nghệ
415	Cao Quốc Sang	1968		Phó Giám đốc	Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai	Cử nhân báo chí	Báo chí
416	Đặng Thị Ngọc Thu		1981	Phó trưởng phòng Thư ký biên tập	Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai	Cử nhân báo chí	Báo chí

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
417	Đoàn Văn Phú	1974		Phóng viên	Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai	Cử nhân Luật; Cử nhân báo chí	Báo chí
418	Nguyễn Ngọc Dũng	1975		Chuyên viên	Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai	Cử nhân Luật; Cử nhân báo chí	Pháp luật về báo chí
419	Nguyễn Ngọc Tuấn	1972		Ủy viên BCH	Liên đoàn doanh nghiệp thành phố	Cử nhân Luật; Thạc sĩ quản trị kinh tế	Các lĩnh vực pháp luật về doanh nghiệp
420	Nguyễn Văn Nhân	1973		Phó Chánh Tòa Gia đình và người chưa thành niên	Tòa án nhân dân thành phố	Cử nhân Luật	Luật Hôn nhân gia đình, Dân sự
421	Đinh Thị Kiều Lương		1972	Phó Chánh tòa hình sự	Tòa án nhân dân thành phố	Thạc sĩ Luật	Luật Hình sự, Tố tụng Hình sự
422	Mai Xuân Tuấn	1984		Phó Giám đốc	Sở Nội vụ	Cử nhân Kinh tế Luật	Pháp luật chính sách về lao động
423	Phạm Thanh Hùng	1984		Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Nội vụ	Tiến sĩ Tài chính Ngân hàng	Tài chính
424	Nguyễn Văn Hồng Phúc	1970		Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Nội vụ	Thạc sĩ kinh tế	Tài chính

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
425	Lê Văn Cường	1987		Trưởng phòng Phòng Tổ chức, Biên chế	Sở Nội vụ	Cử nhân Hành chính; Thạc sĩ Quản lý hành chính công	Tổ chức bộ máy, chính quyền
426	Nguyễn Trí Phăng	1978		Phó Trưởng phòng Phòng Lao động	Sở Nội vụ	Kỹ sư Cơ khí động lực	Chính sách về pháp luật lao động
427	Nguyễn Hồng Quang	1977		Phó Trưởng phòng Phòng Lao động	Sở Nội vụ	Cử nhân Luật; Kỹ sư điện	Chính sách về pháp luật lao động
428	Vũ Thị Minh Hòa		1979	Phó Trưởng phòng Phòng Lao động	Sở Nội vụ	Thạc sĩ Giáo dục học	Chính sách về pháp luật lao động
429	Trần Thị Lan Phi		1979	Trưởng phòng Phòng Người có công	Sở Nội vụ	Cử nhân Luật; Cử nhân Văn học; Cử nhân chính trị	Người có công
430	Vũ Thị Phương		1985	Phó Trưởng phòng Phòng Cải cách hành chính - Văn thư, Lưu trữ	Sở Nội vụ	Cử nhân Hành chính	Cải cách hành chính
431	Phùng Văn Sơn	1989		Phó Trưởng phòng Phòng Cải cách hành chính - Văn thư, Lưu trữ	Sở Nội vụ	Thạc sĩ Quản lý công	Cải cách hành chính

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
432	Lâm Thị Diệu		1988	Phó Trưởng phòng Phòng Cải cách hành chính - Văn thư, Lưu trữ	Sở Nội vụ	Cử nhân Hành chính	Cải cách hành chính
433	Nguyễn Hồng Sơn	1982		Trưởng phòng Công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Cử nhân Luật; Cử nhân kinh tế chính trị	Công chức, viên chức
434	Nguyễn Văn Cảnh	1970		Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm	Sở Nội vụ	Cử nhân kinh tế; Cử nhân Luật; Thạc sĩ Luật	Chính sách pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp
435	Trần Đại Kỳ	1976		Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm	Sở Nội vụ	Cử nhân kinh tế	Chính sách pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp
436	Nguyễn Thị Kim Thùy		1983	Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm	Sở Nội vụ	Cử nhân Luật; Kỹ sư Bảo hộ lao động	Chính sách pháp luật về Bảo hiểm thất nghiệp, An toàn lao động
437	Vũ Thị Như Quỳnh		1979	Chuyên viên Phòng Lao động	Sở Nội vụ	Cử nhân Xã hội học	Chính sách về pháp luật lao động

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
438	Đỗ Ngọc Thanh	1983		Chuyên viên Phòng Lao động	Sở Nội vụ	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Chính sách về pháp luật lao động
439	Võ Thị Mai		1988	Chuyên viên Phòng Lao động	Sở Nội vụ	Cử nhân Luật	Chính sách về pháp luật lao động
440	Lư Giang Nam	1987		Chuyên viên Phòng Lao động	Sở Nội vụ	Kỹ sư Điện khí hóa cung cấp điện	Chính sách về pháp luật lao động
441	Đinh Thị Phương Chi		1991	Chuyên viên Phòng Lao động	Sở Nội vụ	Cử nhân Luật	Chính sách về pháp luật lao động
442	Trần Thị Hiền		1990	Chuyên viên Phòng Tổ chức, Biên chế	Sở Nội vụ	Cử nhân Luật	Tổ chức bộ máy
443	Đỗ Trung Phương	1974		Giám đốc	Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	Thạc sỹ Tài chính - ngân hàng	Nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước
444	Phan Xuân Linh	1975		Hiệu trưởng	Trường Chính trị	Thạc sỹ Luật	Pháp luật Hiến pháp, hành chính,

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật
		Nam	Nữ				
445	Lê Nguyễn Thị Ngọc Lan		1981	Phó Hiệu trưởng	Trường Chính trị	Tiến sĩ Luật	Pháp luật Hình sự, Hiến pháp, hành chính; Hôn nhân và Gia đình
446	Trần Thị Hạnh Dung		1983	Phó trưởng khoa Nhà nước pháp luật	Trường Chính trị	Thạc sĩ Luật	Pháp luật dân sự; Hành chính
447	Lê Trọng Đức	1978		Phó Trưởng khoa Khoa Nhà nước pháp luật	Trường Chính trị	Thạc sĩ Luật	Pháp luật Đất đai
448	Nguyễn Sỹ Tuấn	1975		Giảng viên chính	Trường Chính trị	Thạc sĩ Quản lý công	Pháp luật ngân sách, Tổ chức chính quyền địa phương
449	Nguyễn Ngọc Hưng	1966		Phó Hiệu trưởng	Trường Đại học Đồng Nai	Thạc sĩ Luật	Kinh tế - luật
450	Huỳnh Thiện Duy Phương	1970		Trưởng Phòng Phòng Nghiệp vụ, dự toán, pháp chế	Thuế thành phố Đồng Nai	Cử nhân Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	Chính sách thuế